

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Thảo Nguyên

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Thảo Nguyên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thảo Nguyên Mã SV: 1312401109
Lớp: QT1702K Ngành: Kế toán- Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh trung
 - Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công Ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
 - Địa chỉ: Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tường**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng..... năm ...

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm ...

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Lý luận chung về doanh thu	2
1.1.1 Khái niệm doanh thu	2
1.1.2 Nguyên tắc hạch toán doanh thu	2
1.1.3 Phân loại doanh thu	3
1.1.3.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	3
1.1.3.2 Doanh thu hoạt động tài chính	6
1.1.3.3 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
1.1.3.4 Thu nhập khác.....	9
1.2 Lý luận chung về chi phí.....	12
1.2.1 Khái niệm	12
1.2.2 Nguyên tắc hạch toán	12
1.2.3 Phân loại chi phí.....	12
1.2.4 Các loại chi phí sử dụng trong công ty	15
1.2.4.1 Chi phí giá vốn hàng bán	15
1.2.4.2 Chi phí quản lý kinh doanh	17
1.2.4.3 Chi phí tài chính	20
1.2.4.4 Chi phí khác	22
1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.4. Hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh theo từng hình thức kế toán.	27
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	27
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái	29
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	29
1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG	30
2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung	30
2.1.1 Giới thiệu chung về công ty	30

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh	30
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty	30
2.1.4. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của công ty	32
2.2. Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Giao Nhận Minh Trung	35
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.....	35
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	35
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng tại công ty	35
2.2.1.3. Chứng từ sử dụng tại công ty	35
2.2.1.4. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty	37
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	47
2.2.2.1. Nội dung.....	47
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty	47
2.2.2.3. Chứng từ sử dụng tại công ty	47
2.2.2.4. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty	48
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	56
2.2.3.1 Nội dung.....	56
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại công ty	56
2.2.3.3. Chứng từ kế toán sử dụng.	56
2.2.3.4. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty	56
2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	62
2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng:	62
2.2.4.2 Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:.....	62
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	66
2.2.5.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	66
2.2.5.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.	66
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG	
.....	75
3.1. Nhận xét	75
3.1.1. Ưu điểm.....	75
3.1.2. Nhược điểm.....	76

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung	77
3.2.1. Giải pháp 1: Mở sổ chi tiết theo doanh thu và giá vốn cho từng loại hình kinh doanh vận tải	77
3.3.2. Giải pháp 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.	81
3.3.3. Giải pháp 3: Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng	83
KẾT LUẬN	86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	4
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).....	4
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	4
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).....	4
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý.....	5
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng	5
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp.....	5
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính	7
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.....	11
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.....	17
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	19
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	21
Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán chi phí khác	23
Sơ đồ 1.13 Nguyên tắc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh.....	26
Sơ đồ 1.14 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	28
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận.....	31
Minh Trung.....	31
2.1.4. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của công ty	32
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận	
Minh Trung.....	32
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty	
TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung	34
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty	
TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 1	42
Biểu số 2	43
Biểu số 3	44
Biểu số 4	45
Biểu số 5	46
Biểu số 6	48
Biểu số 7	54
Biểu số 8	55

LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một trong những thực tiễn quan trọng nhất trong quản lý kinh tế. Mỗi nhà đầu tư hay một cơ sở kinh doanh cần phải dựa vào công tác kế toán để biết tình hình và kết quả kinh doanh.

Hiện nay nước ta đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Công tác quản lý kinh tế đang đứng trước yêu cầu và nội dung quản lý có tính chất mới mẻ, đa dạng và không ít phức tạp. Là một công cụ thu thập xử lý và cung cấp thông tin về các hoạt động kinh tế cho nhiều đối tượng khác nhau bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp nên công tác kế toán cũng trải qua những cải biến sâu sắc, phù hợp với thực trạng nền kinh tế. Việc thực hiện tốt hay không tốt đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý.

Công tác kế toán ở công ty có nhiều khâu, nhiều phần hành, giữa chúng có mối liên hệ, gắn bó với nhau tạo thành một hệ thống quản lý có hiệu quả. Mặt khác, tổ chức công tác kế toán khoa học và hợp lý là một trong những cơ sở quan trọng trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Qua quá trình học tập môn kế toán doanh nghiệp sản xuất và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung, đồng thời được sự giúp đỡ tận tình của thầy cô giáo cũng như các anh chị kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung. Em đã chọn đề tài :**“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung”**

Đề tài gồm 3 nội dung chính:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Lý luận chung về doanh thu

1.1.1 Khái niệm doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của sở hữu.

1.1.2 Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- **Doanh thu bán hàng:** được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- **Doanh thu hoạt động tài chính:** được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.3 Phân loại doanh thu

1.1.3.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- *Khái niệm:*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán(công vận chuyên, chi phí lắp đặt,..)nếu có.

- *Tài khoản sử dụng :*

-*Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*

Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 2

5111- Doanh thu bán hàng hóa

5112- Doanh thu bán các thành phẩm

5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

5118- Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

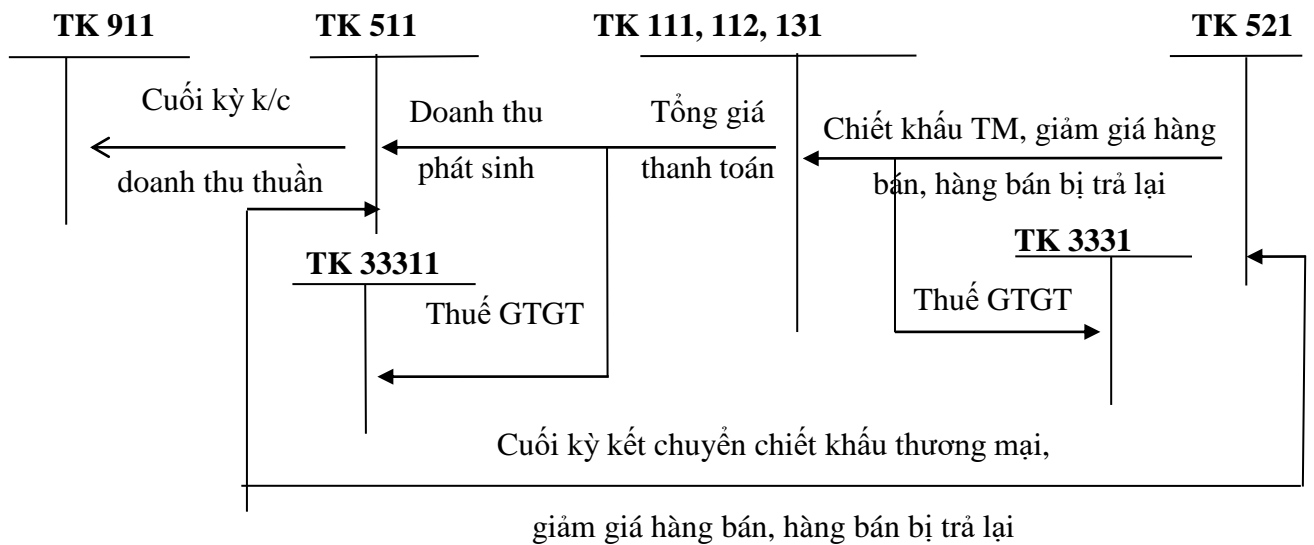
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- *Chứng từ sử dụng :*

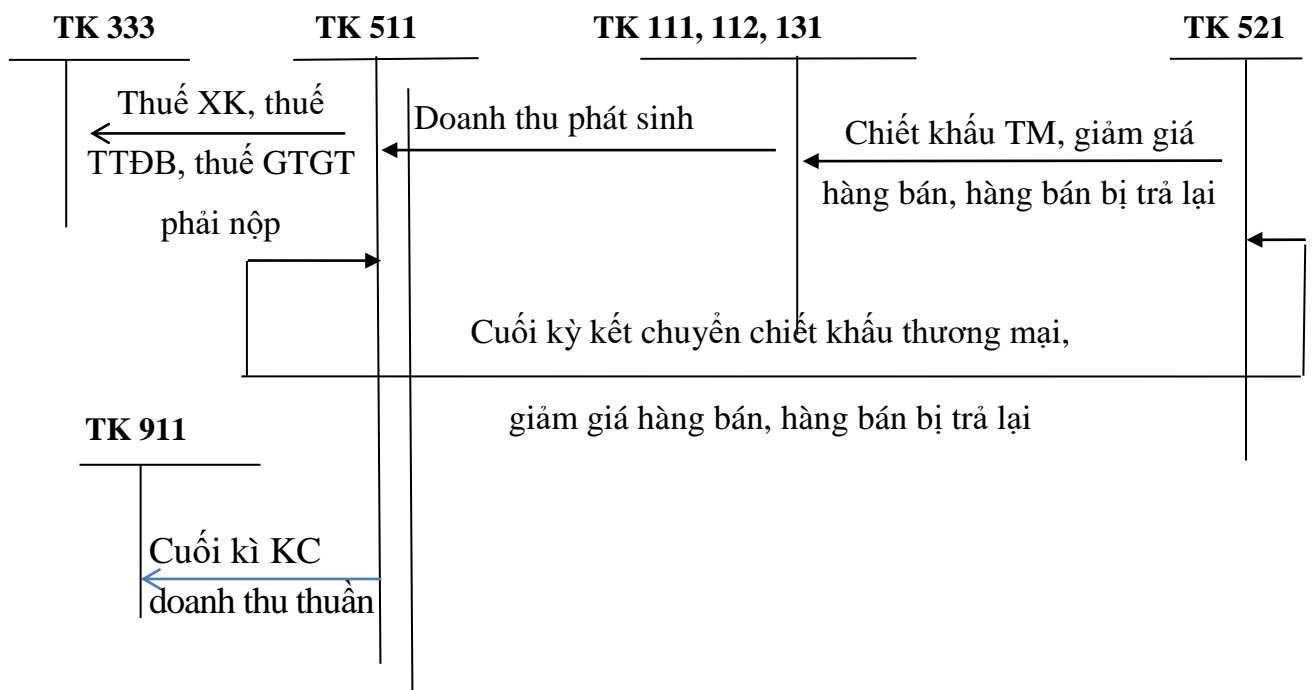
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán : phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

- *Sơ đồ hạch toán :*

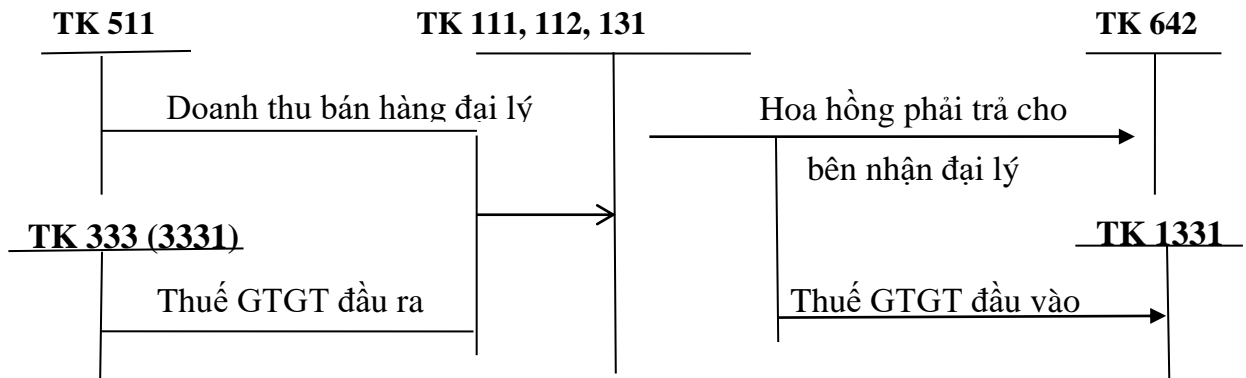
**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



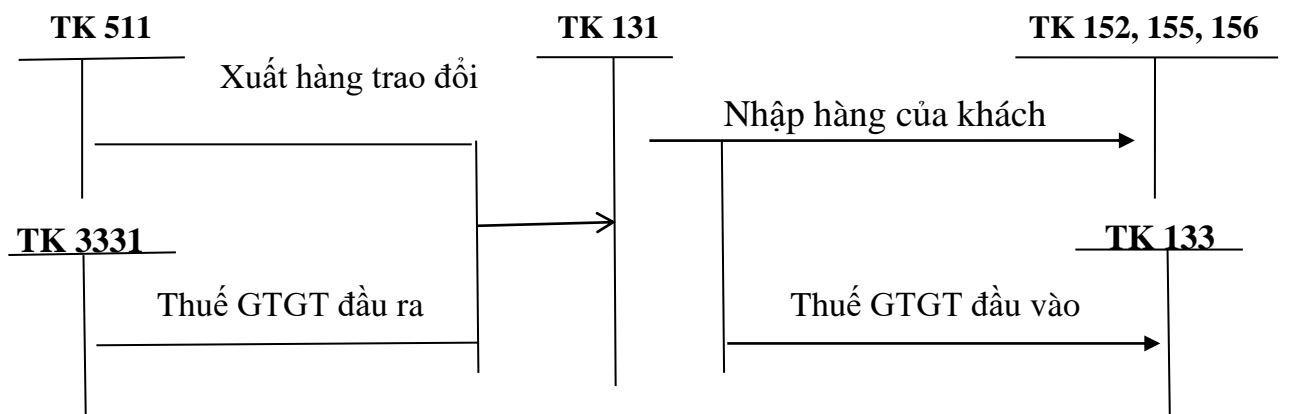
**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).**



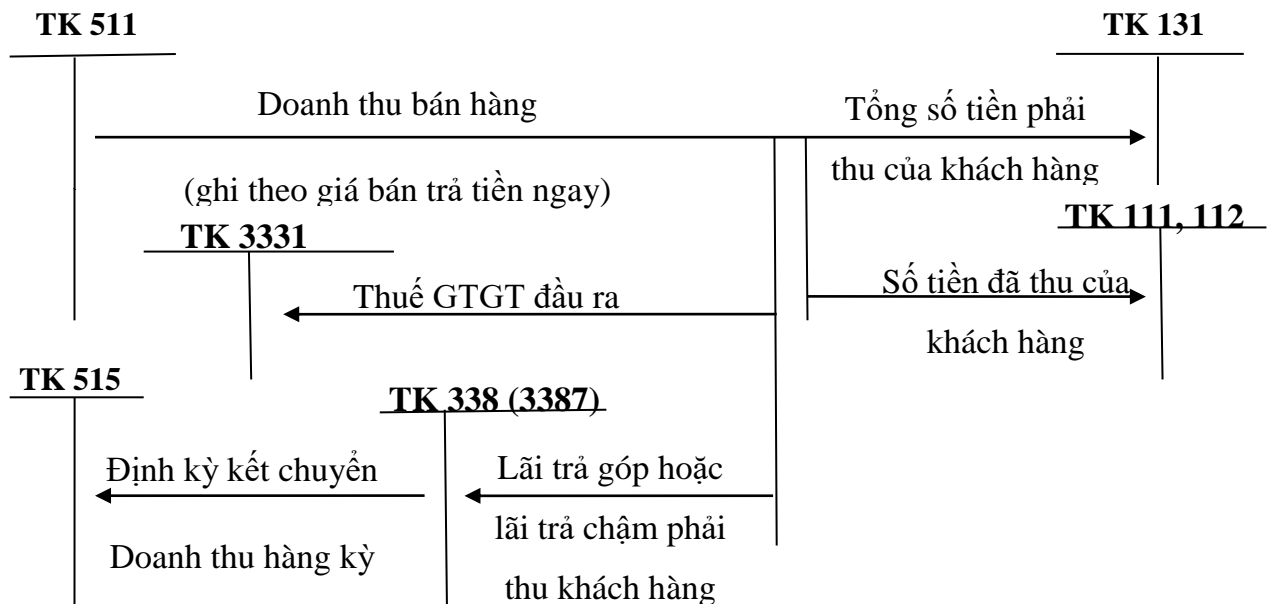
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.1.3.2 Doanh thu hoạt động tài chính

• *Khái niệm:*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

• *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

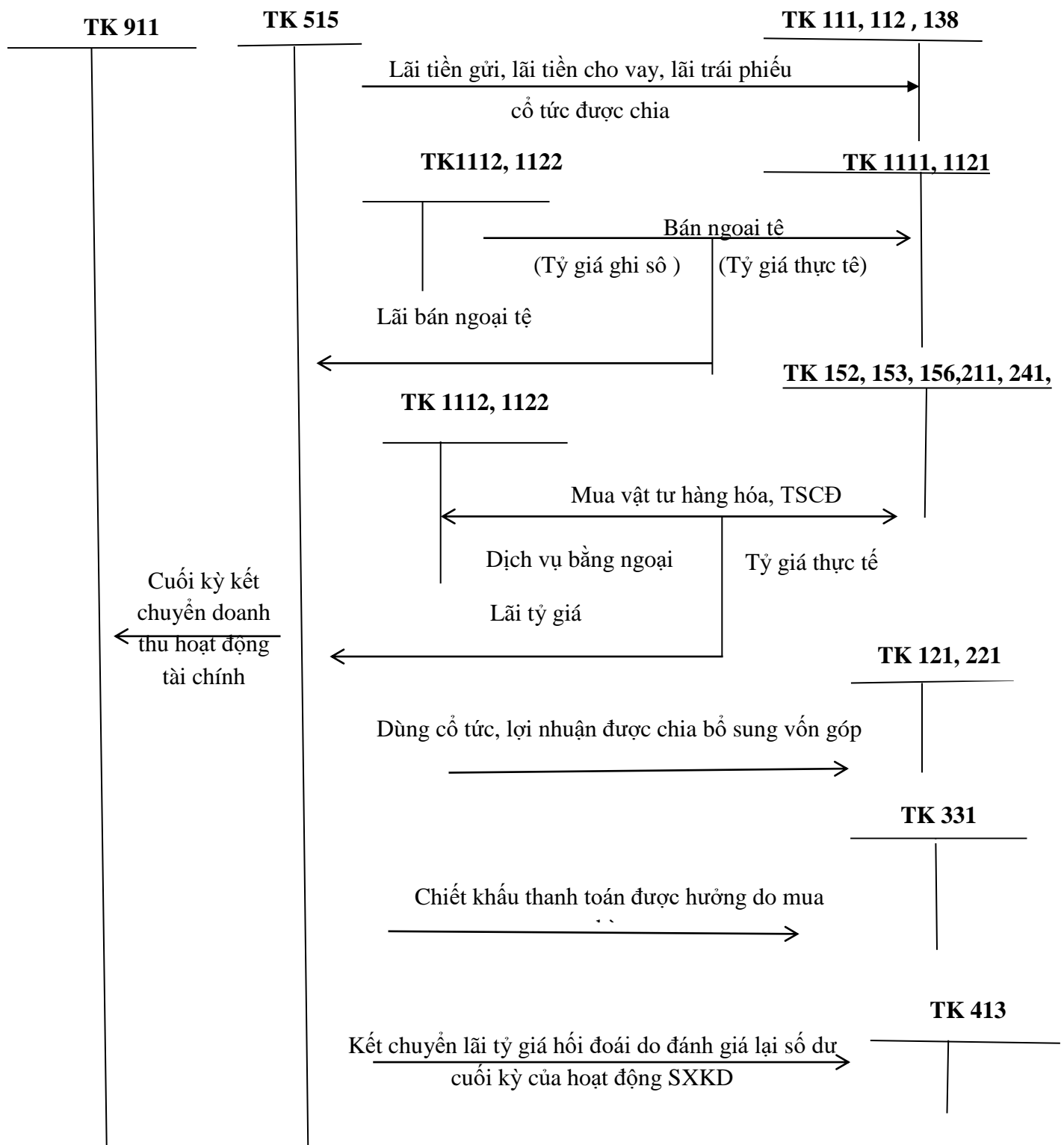
Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên danh, liên kết. - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ... 	
TỔNG PHÁT SINH NỢ		TỔNG PHÁT SINH CÓ

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

• Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính



- *Chứng từ sử dụng:*
 - Giấy báo có, giấy báo nợ
 - Phiếu thu, phiếu chi, các chứng từ khác có liên quan.

1.1.3.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản sử dụng:

5211- Chiết khấu thương mại

5212- Hàng bán bị trả lại

5213- Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 521 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn GTGT

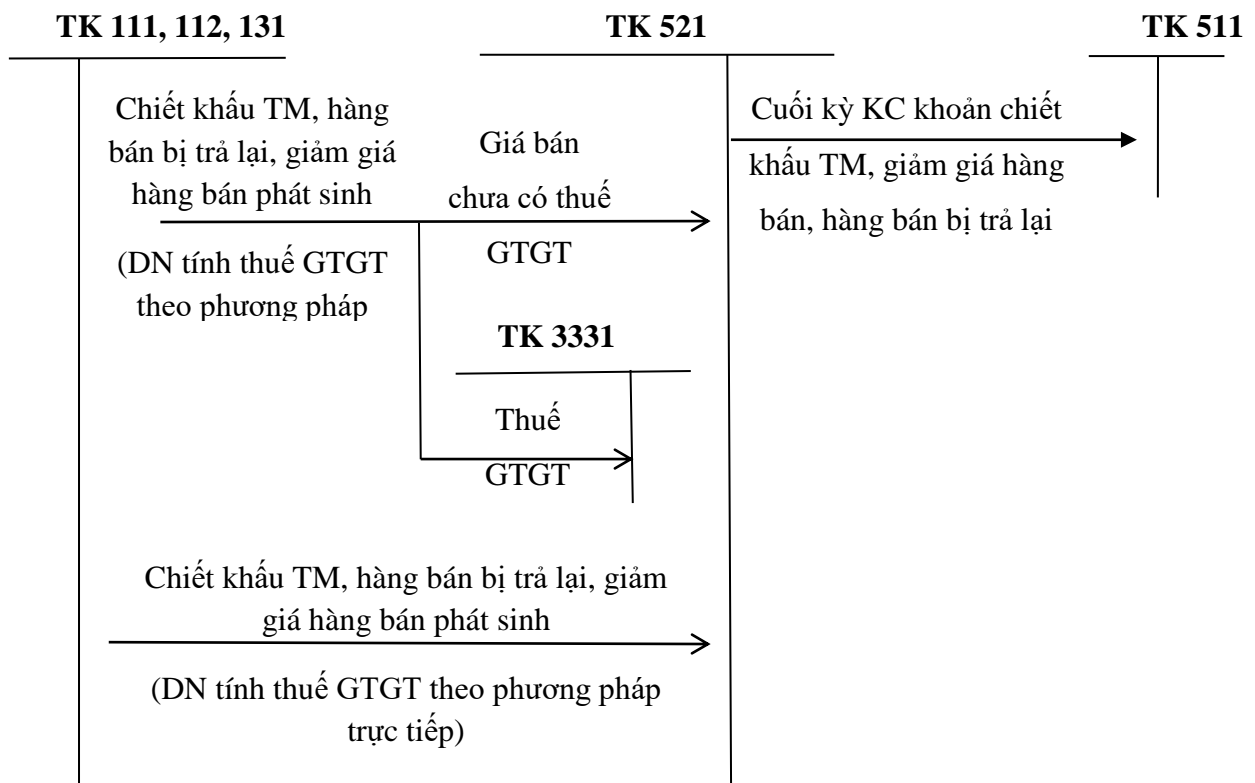
Phiếu chi

Giấy báo nợ

Các chứng từ khác có liên quan

• *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.1.3.4 Thu nhập khác

Khái niệm:

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu tiền các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Các khoản thu khác

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711- thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Chứng từ sử dụng:

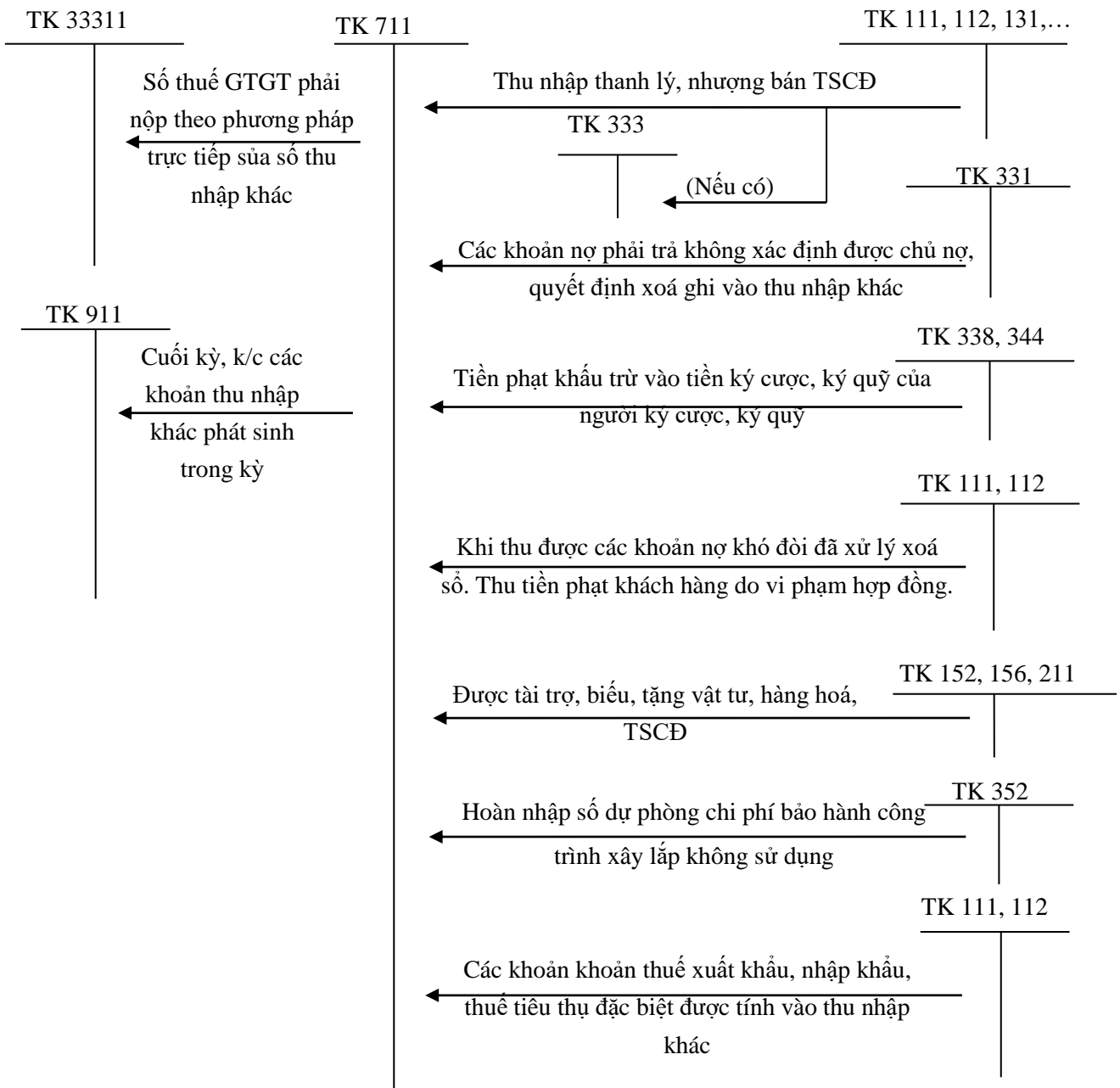
Phiếu thu , phiếu chi

Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng

Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.



1.2 Lý luận chung về chi phí

1.2.1 Khái niệm

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định

1.2.2 Nguyên tắc hạch toán

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch một cách trung thực hợp lý.
- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...
- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.
- Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3 Phân loại chi phí

Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế

- **Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu:** bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, từng thay thế, công cụ, dụng cụ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán(loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi). Yếu tố này bao gồm:
 - + Chi phí nguyên vật liệu chính: Bao gồm giá mua và chi phí mua của những loại nguyên vật liệu chính được sử dụng trực tiếp trong các quá trình sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu chính thường cấu thành nên cơ sở vật chất chính của sản phẩm và chi phí của nó thường chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm đối với các doanh nghiệp sản xuất.

+ Chi phí nguyên vật liệu phụ: Bao gồm giá mua và chi phí mua của những loại nguyên vật liệu dùng để kết hợp với những nguyên liệu chính làm tăng chất lượng, độ bền, tính thẩm mỹ của sản phẩm hoặc là những nguyên liệu dùng trong công việc hành chính, văn phòng, sửa chữa máy móc thiết bị. Chi phí nguyên vật liệu phụ thường phát sinh trong tất cả các hoạt động sản xuất, tiêu thụ, quản lý...

+ Chi phí nguyên liệu: Bao gồm giá mua và chi phí mua của nhiên liệu dùng vào sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

+ Chi phí phụ tùng thay thế: Bao gồm giá mua và chi phí mua của các phụ tùng thay thế dùng vào sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán. Thực chất phụ tùng thay thế cũng là nguyên liệu phụ, tuy nhiên, chúng bao gồm những bộ phận, chi tiết dùng để thay thế khi tiến hành sửa chữa tài sản cố định.

+ Chi phí nguyên liệu khác: Bao gồm giá mua và chi phí mua của những loại nguyên vật liệu không thuộc các yếu tố kể trên như chi phí nguyên vật liệu đặc thù, chi phí về phế phẩm, phế liệu tận dụng...

- Yếu tố chi phí nhiên liệu, động lực sử dụng vào quá trình sản xuất-kinh doanh trong kỳ

(Trừ số dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi). Thực chất, nhiên liệu cũng là nguyên liệu phụ nhưng nó giữ vai trò quan trọng trong danh mục nguyên liệu. Vì vậy, nó được xếp vào một khoản mục riêng để quản lý và dễ dàng kiểm soát khi có sự biến động nhiên liệu, năng lượng trên thị trường.

-Yếu tố chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương

Phản ánh tổng số tiền lương và phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho toàn bộ công nhân viên chức.

-Yếu tố chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn

Phản ánh phần bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và phụ cấp lương phải trả cho toàn bộ công nhân viên chức.

-Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh tổng số khấu hao phải trích trong kỳ của tất cả tài sản cố định sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

-Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm các chi phí gắn liền với các dịch vụ mua từ bên ngoài cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của

doanh nghiệp như giá dịch vụ điện nước, bảo hiểm tài sản nhà cửa, phương tiện, quảng cáo... Các chi phí loại này giúp nhà quản trị hiểu rõ hơn tổng mức dịch vụ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để thiết lập quan hệ trao đổi, cung ứng với các đơn vị dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

-Yếu tố chi phí khác bằng tiền

Chi phí khác bằng tiền bao gồm tất cả các chi phí sản xuất kinh doanh khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên mà doanh nghiệp thường phải thanh toán trực tiếp trong kỳ kế toán.

Phân chi phí loại theo công dụng kinh tế

Chi phí của DN được chia ra các khoản mục sau đây:

- Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất bao gồm 3 khoản mục chi phí chủ yếu:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Là những chi phí bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu và vật liệu khác trực tiếp sử dụng cho việc sản xuất để tạo ra sản phẩm và dịch vụ.

Đặc điểm của nguyên vật liệu trực tiếp: chuyển hết giá trị một lần nào sản phẩm sau khi tham gia quá trình sản xuất và thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

+ Chi phí nhân công trực tiếp

Phản ánh chi phí lao động trực tiếp để sản xuất ra sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong các DN.

Thể hiện về chi lương trả theo sản phẩm và các khoản phải thanh toán cho nhân công trực tiếp sản xuất.

+ Chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung phản ánh những chi phí phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất của DN ngoài 2 loại chi phí nói trên.

Ba loại chi phí kể trên là những chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sản xuất và hình thành nên giá thành sản phẩm. Trong đó hai loại chi phí nguyên liệu và nhân công trực tiếp là những chi phí khả biến, còn chi phí sản xuất chung bao gồm cả chi phí khả biến và chi phí bất biến.

- Chi phí ngoài sản xuất

Chi phí ngoài sản xuất bao gồm: những chi phí không gắn liền với việc tạo ra sản phẩm mà nó gắn liền với việc quản lý của Giám đốc sản xuất và đưa sản phẩm đến người tiêu dùng.

Nó bao gồm : chi phí quản lý DN và chi phí bán hàng.

+ Chi phí bán hàng

Chi phí này còn gọi là chi phí lưu thông, tiếp thị, phục vụ cho quá trình lưu thông hàng hóa, phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ cho gồm các chi phí đóng gói, vận chuyển, giới thiệu, bảo hành sản phẩm... vv

+ Chi phí quản lý DN

Chi phí này phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm :

- Chi phí quản lý kinh doanh
- Chi phí quản lý hành chính
- Chi phí chung khác liên quan các hoạt động khác của doanh nghiệp

Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và quy mô SXKD

Gồm 2 loại: Chi phí cố định và chi phí biến đổi.

- Chi phí cố định :

Là chi phí không thay đổi (hoặc thay đổi không đáng kể) theo sự thay đổi qui mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bao gồm:

- Chi phí khấu hao TSCĐ,
- Chi phí tiền lương quản lý
- Lãi tiền vay phải trả
- Chi phí thuê tài sản , văn phòng

- Chi phí biến đổi :

Là các chi phí thay đổi trực tiếp theo sự thay đổi của qui mô sản xuất.

Bao gồm :

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí tiền lương công nhân sản xuất trực tiếp.

1.2.4 Các loại chi phí sử dụng trong công ty**1.2.4.1 Chi phí giá vốn hàng bán****Khái niệm**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

Tài khoản sử dụng

Đối với nghiệp vụ kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632:

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> • K/c giá vốn hàng bán bị trả lại. • Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. • K/c giá vốn hàng bán vào TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư

Chứng từ sử dụng

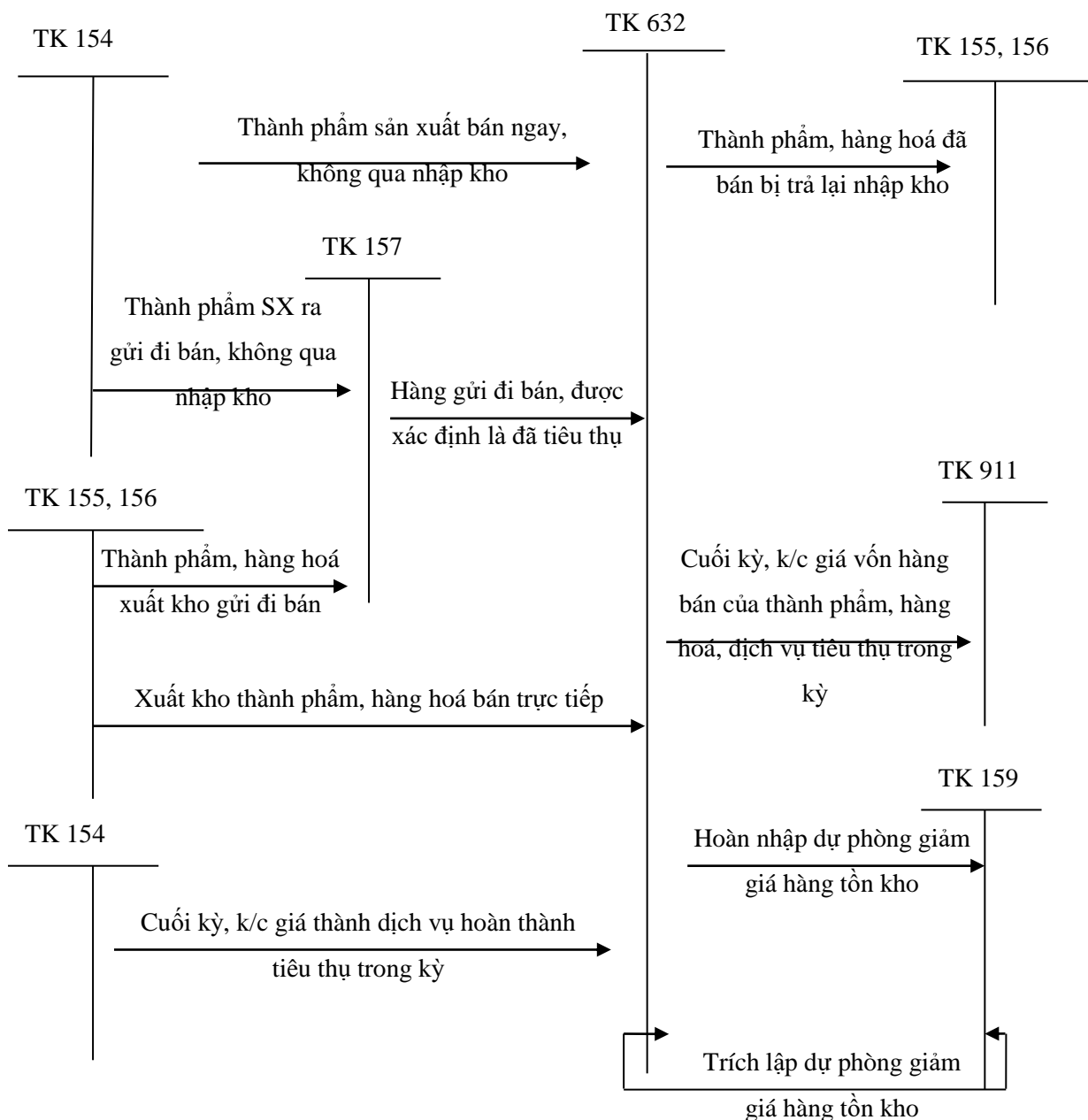
Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.

Phiếu xuất kho.

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.4.2 Chi phí quản lý kinh doanh

Khái niệm:

Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh, tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK6421 “ Chi phí bán hàng”
- TK6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Kết cấu tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> Tập hợp chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

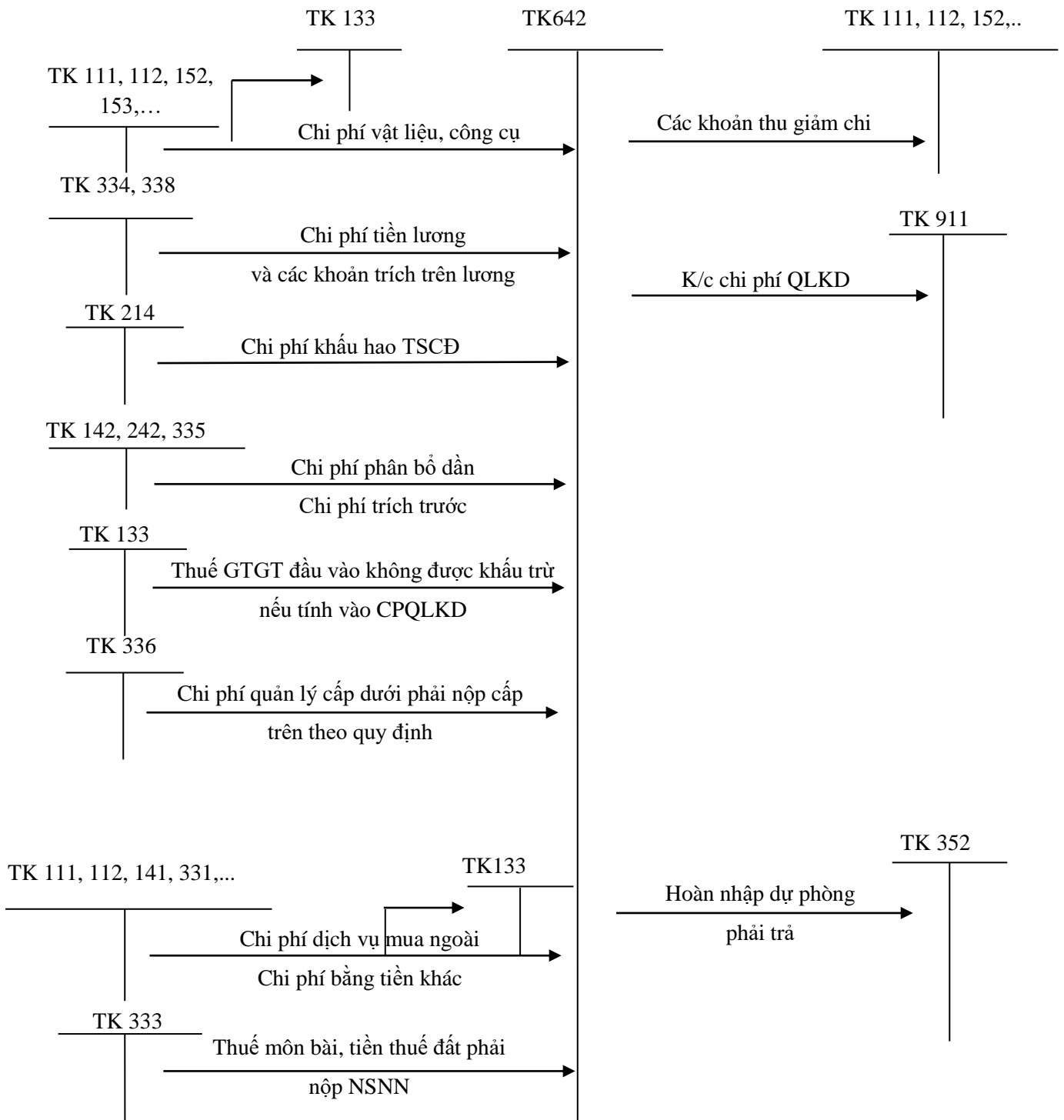
TK 642 không có số dư

Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4.3 Chi phí tài chính

Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản 635:

Nợ	TK635	Có
- Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.	- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

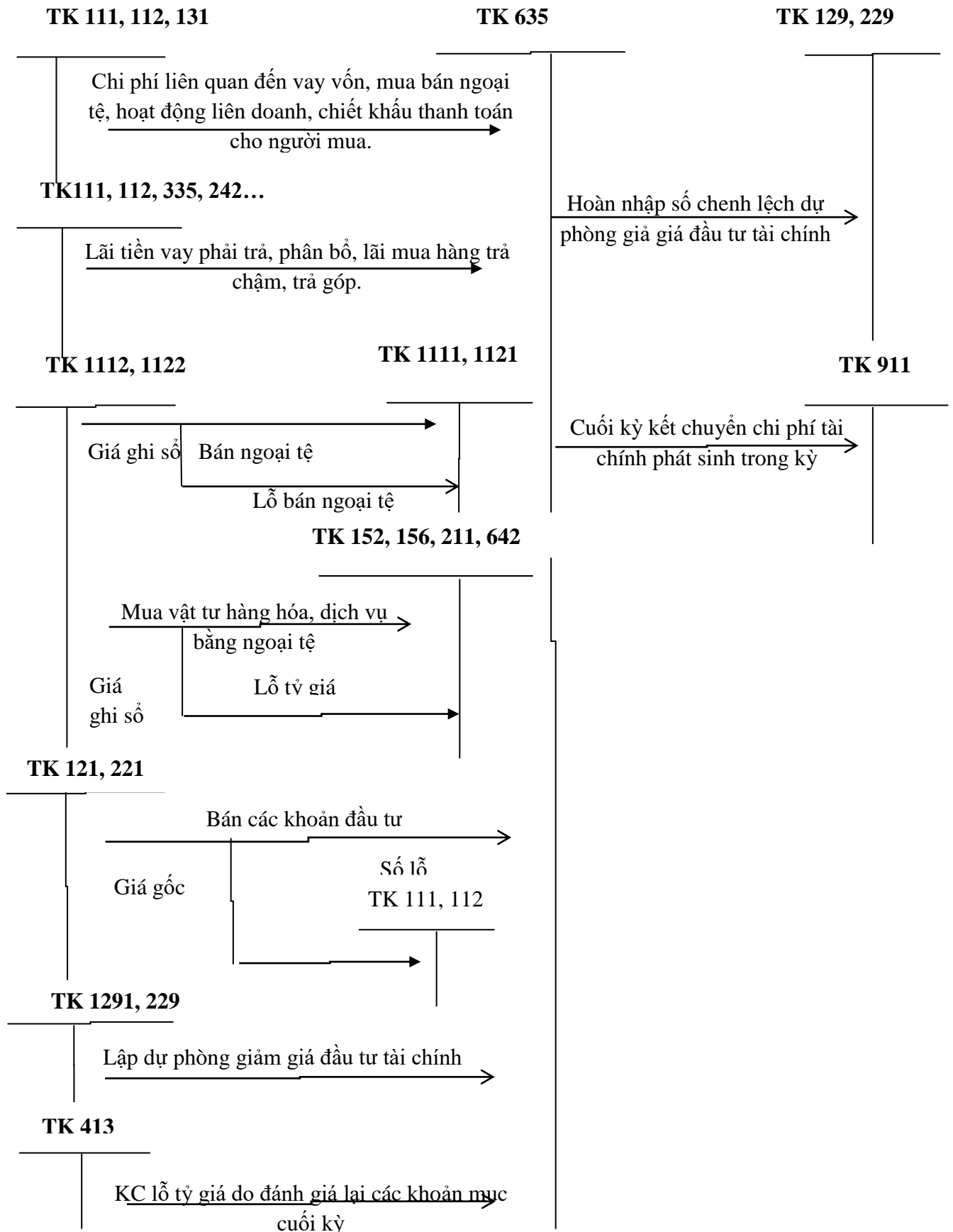
TK 635 không có số dư

Chứng từ sử dụng:

- Giấy bảo lãnh, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



1.2.4.4 Chi phí khác

Khái niệm:

Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

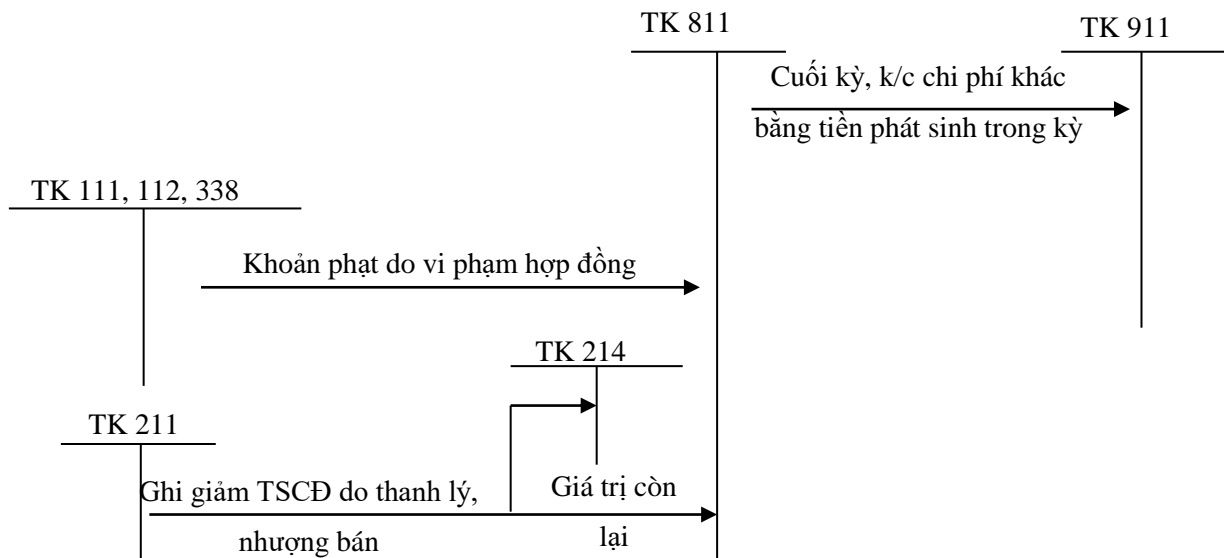
TK 811 không có số dư

Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh

Khái niệm:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Phân loại

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng} \\ \text{và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{matrix}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận tài} \\ \text{chính} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu tài chính} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi phí tài chính} \end{matrix}$$

- *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận hoạt} \\ \text{động khác} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Thu nhập hoạt động} \\ \text{khác} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{khác} \end{matrix}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{matrix} \text{Tổng lợi} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{nhuận kế toán} & - & \text{từ hoạt} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{nhuận} \\ \text{trước thuế} & & \text{động} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{matrix}$$

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{matrix} \text{Thuế TNDN} & & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{phải nộp} & = & \text{trước thuế} & \times & \text{TNDN} \end{matrix}$$

- *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận sau} & & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Thuế TNDN phải} \\ \text{thuế TNDN} & = & \text{toán trước thuế} & - & \text{nộp} \end{matrix}$$

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLKD, CP hoạt động tài chính, CP khác). - Kết chuyển lãi. - Kết chuyển CP thuế TNDN. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). - Kết chuyển lỗ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên 		<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ - Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

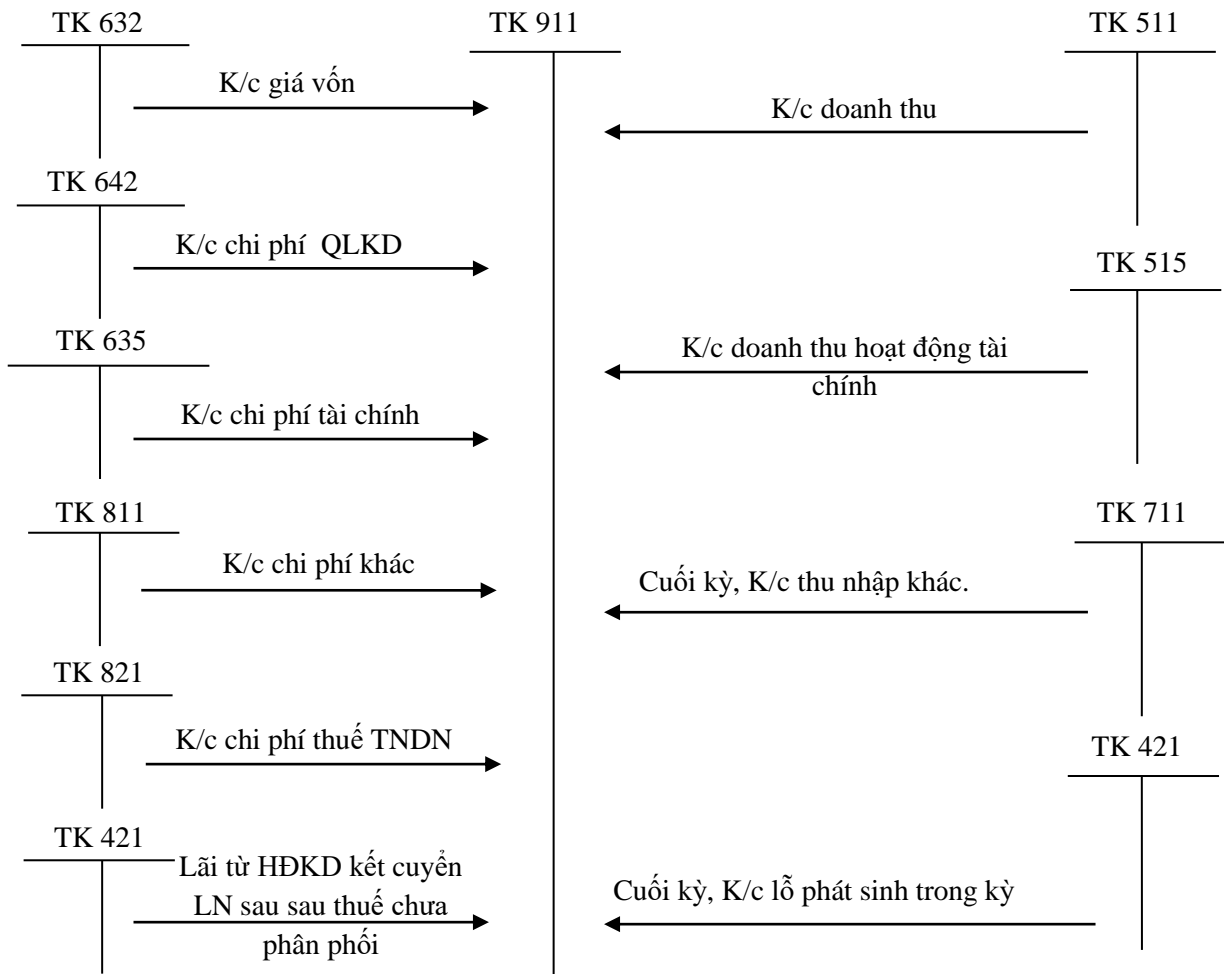
Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 821 không có số dư

*Nguyên tắc hạch toán

Sơ đồ 1.13 Nguyên tắc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh



1.4. Hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh theo từng hình thức kế toán.

Theo Chế độ sổ kế toán doanh nghiệp hiện hành, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

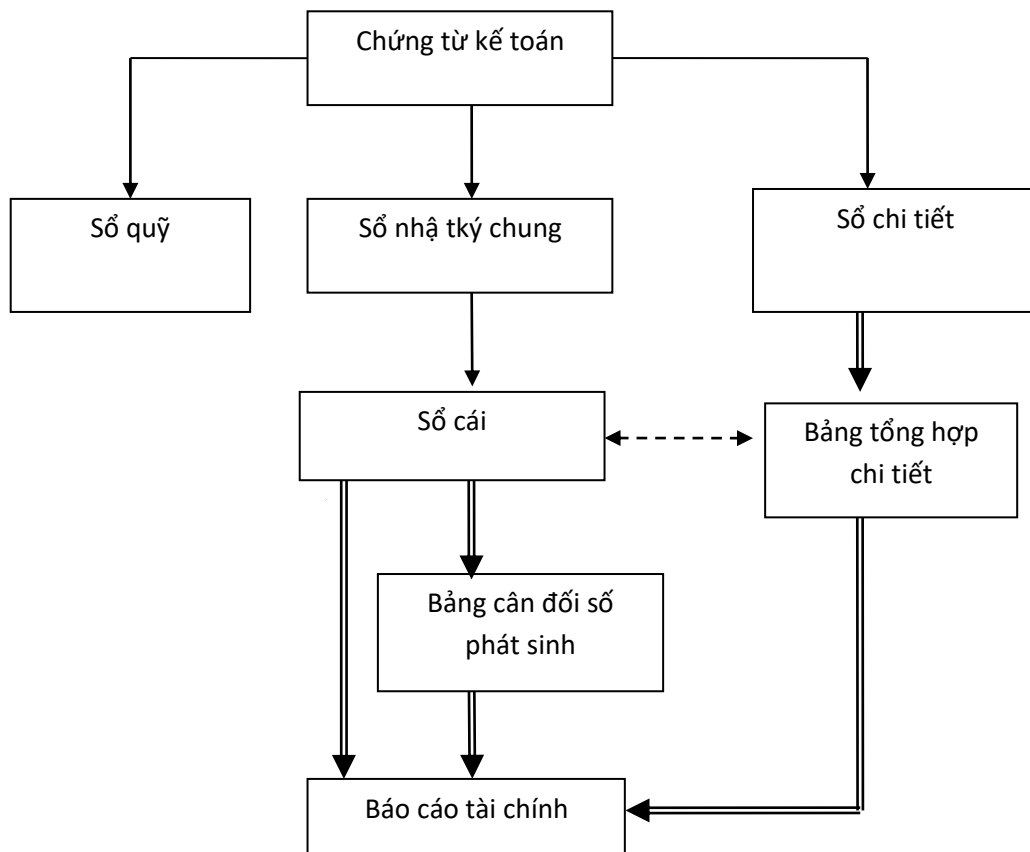
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:

Sơ đồ 1.14 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ, có thể là 3, 5, 10 ngày hoặc cuối tháng, tùy theo khối lượng nghiệp vụ phát sinh, kế toán tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có). Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu

ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết, số liệu được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

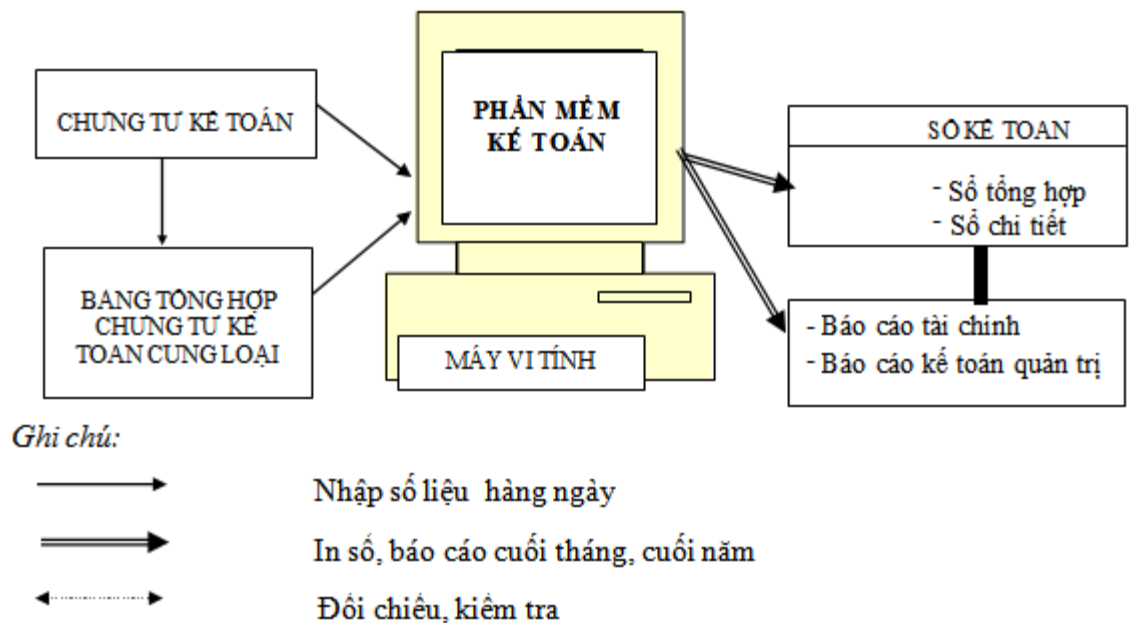
Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung có ưu điểm là đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị kế toán và thuận lợi cho việc sử dụng kế toán máy, thuận tiện đối chiếu, kiểm tra chi tiết theo từng chứng từ gốc.

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính



CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

2.1.1 Giới thiệu chung về công ty

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

Tên giao dịch: MINH TRUNG DELIVERY AND TRADING COMPANY LIMITED

Mã số thuế: 0201347310

Số điện thoại: 0313.686725

Fax : 0313.529995

Email: duyen@minhtrung.com.vn

Người đại diện pháp lý: Trần Thị Hồng Duyên

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên

Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ



Logo:

Công ty TNHH Thương mại và giao nhận Minh Trung thành lập ngày 14 tháng 03 năm 2012.

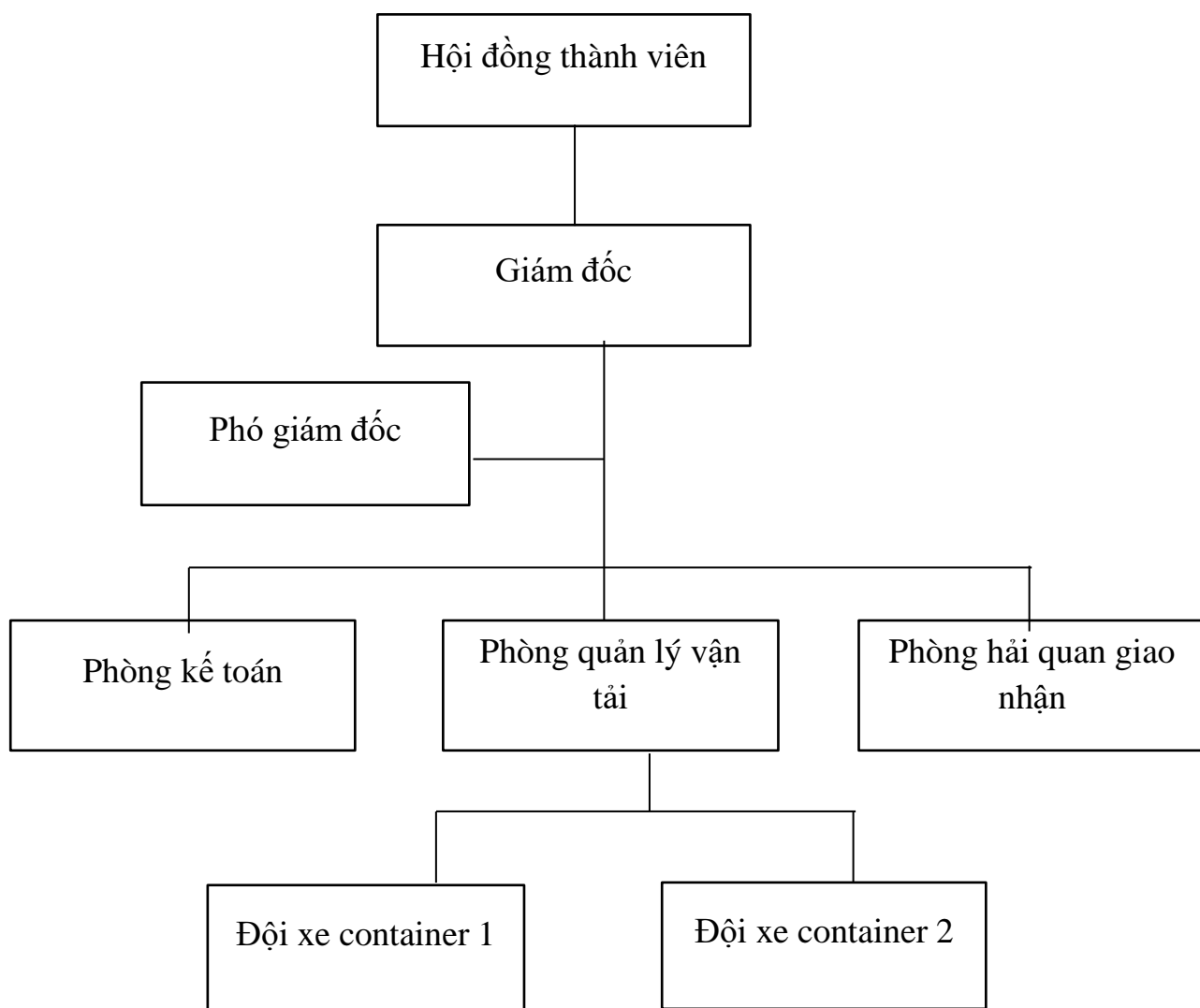
Giấy phép đăng kí kinh doanh số 0201247310 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 03 năm 2012.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải container

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung thể hiện tại sơ đồ 2.1.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung do ông Nguyễn Đức Minh và bà Trần Thị Hồng Duyên góp vốn thành lập, bổ nhiệm bà Trần Thị Hồng Duyên làm Giám đốc công ty.

Hội đồng thành viên: Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cũng như chiến lược và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty. Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty.

Giám đốc: Là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Đảm nhận công việc khai thác, tìm kiếm khách hàng và cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của khách hàng. Là người quyết định mục tiêu, định hướng phát triển của toàn bộ công ty, quyết định thành lập các bộ phận trực thuộc, bổ nhiệm các trưởng phó bộ phận, quản lý giám sát, điều hành các hoạt động thông qua các trợ lý, phòng ban.

Phó giám đốc: Là người giúp cho giám đốc thực hiện điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Thực hiện các chức năng quyền hạn của giám đốc khi được giám đốc ủy quyền.

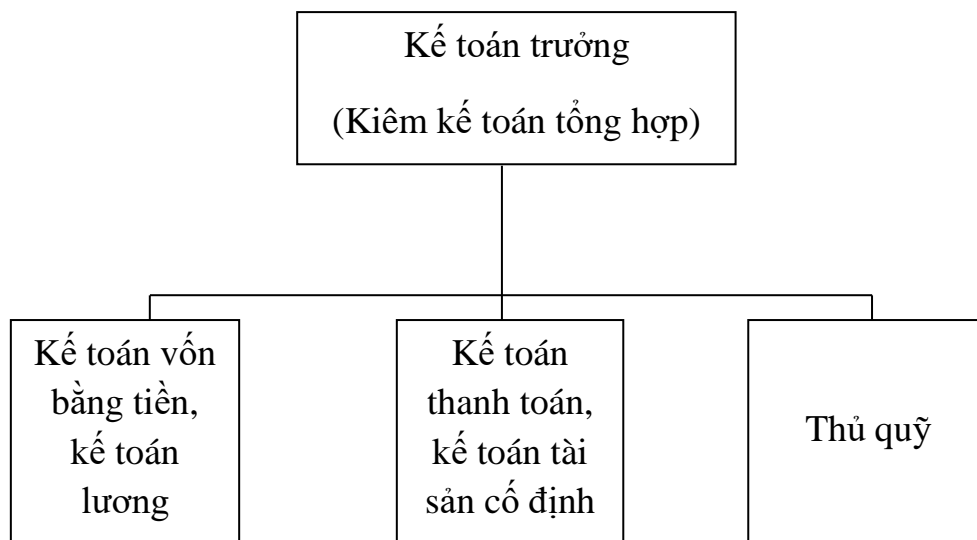
Phòng kế toán: Tổ chức công tác hạch toán kế toán và thực hiện công tác quản lý tài chính theo đúng hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành. Theo dõi sổ sách, tình hình thu chi quỹ tiền mặt, lập chứng từ kế toán và hạch toán kế toán tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Là nơi cung cấp kịp thời, đầy đủ về tình hình tài chính cũng như nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình biến động của tất cả tài sản trong công ty, giúp cho giám đốc nắm rõ hiện trạng sản xuất kinh doanh của Công ty để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời.

Phòng quản lý vận tải: Đảm nhận công việc quản lý, điều hành xe ô tô vận tải chở hàng theo các tuyến đường đã được lên kế hoạch trước.

Phòng Hải quan giao nhận: Đảm nhận công việc mở tờ khai hải quan, làm các thủ tục xuất nhập khẩu, trực tiếp giao nhận hàng hóa, giấy tờ, thủ tục tại các điểm vận chuyển theo yêu cầu.

2.1.4. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung (sơ đồ 2.2), toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Chứng từ kế toán sẽ được gửi về phòng kế toán công ty để lập Báo cáo tài chính. Bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chắc chắn phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phân hành nghiệp vụ.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

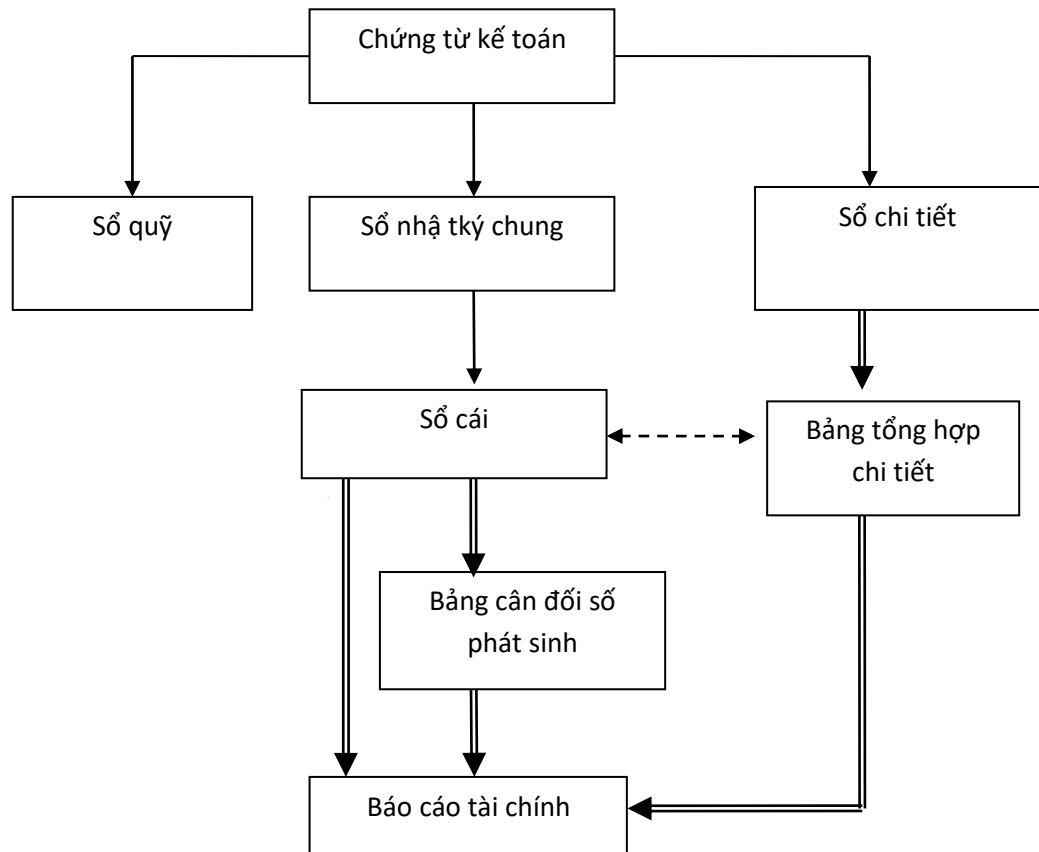
Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp): Ngoài việc kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, tổ chức thông tin, phân tích hoạt động kinh doanh, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán, tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán khác như: tài sản cố định, nguồn vốn kinh doanh và các quỹ. Phát hiện, kiểm tra lại nhưng thiếu sót của cấp dưới, phụ trách công tác kế toán của toàn công ty, chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động tài chính. Chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán của công ty, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh, chỉ đạo kiểm tra công việc do kế toán viên thực hiện.

Kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương: Kế toán tổng hợp chi tiết tình hình thu chi các loại tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và hạch toán chi tiết tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn. Kiểm tra tình hình tính lương trả lương đối với công nhân viên.

Kế toán tài sản cố định và kế toán thanh toán: Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh số liệu một cách đầy đủ kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ. Tính toán, phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ. Theo dõi tình hình công nợ phải thu về tiền bán hàng các dịch vụ để nhanh chóng thu hồi vốn phục vụ kinh doanh. Đồng thời theo dõi tình hình các khoản nợ phải trả, những hợp đồng đã kí kết, tình hình thanh toán, quyết toán các hợp đồng. Phản ánh tình hình vay, trả tiền vay, thanh toán tiền công nợ với nhà nước về các khoản nộp.

Thủ quỹ: Căn cứ vào chứng từ thu chi đã được phê duyệt thủ quỹ có nhiệm vụ giữ quỹ tiền mặt và thu chi tiền mặt.

2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.

Mỗi ngày dựa vào các chứng từ hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi..., các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép vào sổ Nhật ký chung. Dựa vào số liệu từ sổ Nhật ký chung để vào các sổ cái theo từng Nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2. Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Giao Nhận Minh Trung

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu bán hàng có thể thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty trong năm chủ yếu là cước vận chuyển

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 333- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

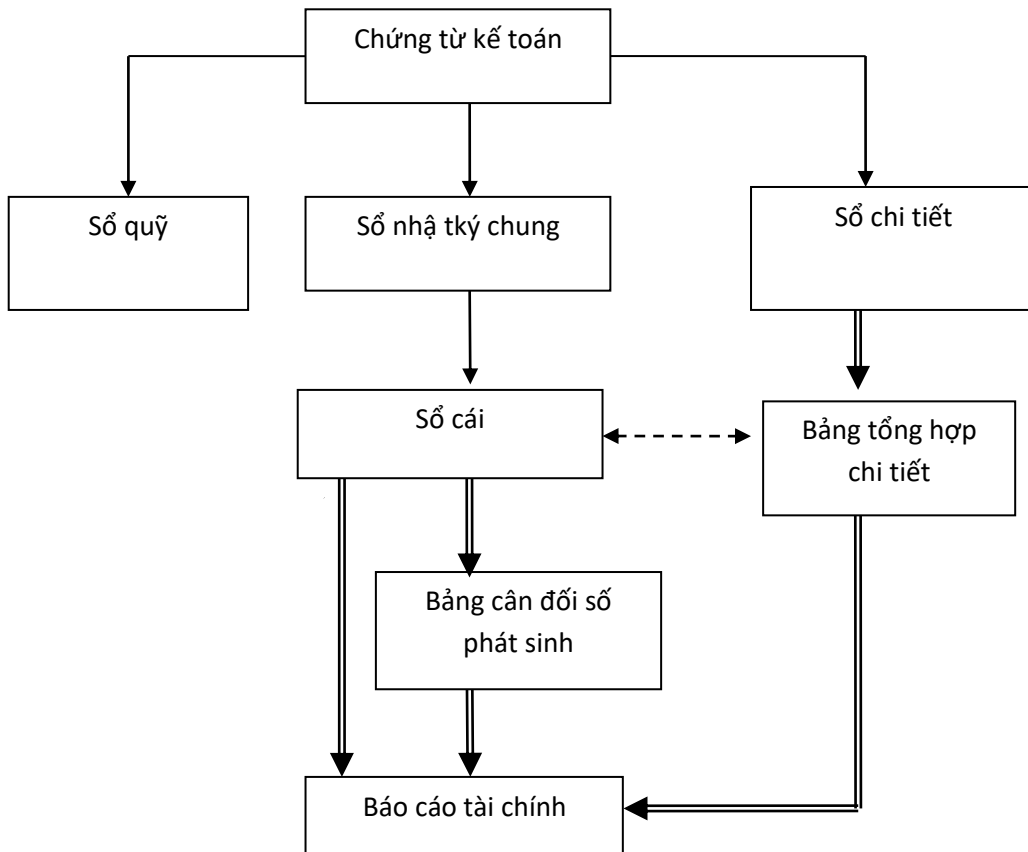
TK 131- Phải thu của khách hàng

TK 111- Tiền mặt

TK 112- tiền gửi ngân hàng

2.2.1.3. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Bảng kê chốt cước theo tháng, theo lô với khách hàng
- Hóa đơn cước vận chuyển
- Phiếu yêu cầu vận chuyển
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Báo giá
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan...



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

2.2.1.4. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty

VD 1:

Ngày 02/06 công ty vận chuyển cho công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng một lô hàng gồm 05 cont đến Đông Anh, Hà Nội với giá cước vận chuyển 4.450.000 đ/cont 20'(chưa VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT VẬN CHUYỂN

Kèm hoá đơn số : 510 ngày 02 tháng 06 năm 2017

1. BÊN BÁN

Họ tên người bán hàng:

Tên Đơn vị: Công ty TNHH TM và Giao Nhận Minh Trung

Mã số thuế: 0 2 0 1 2 4 7 3 1 0

Địa chỉ: Số 90 Trần Khánh Dư, P Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0313.686.725 Fax: 0313.686.725

Số tài khoản: 132082299 Tại Ngân hàng ACB - CN Duyên Hải, Hải Phòng

2. BÊN MUA:

Họ tên người mua hàng:

Tên Đơn vị: Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng

Mã số thuế: 0 1 0 1 4 7 4 1 6 5

Địa chỉ: Thôn Gia Quất, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

HT Thanh toán : Chuyển khoản Số TK:

STT	Ngày tháng	Tên hàng hoá , dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn Giá	Thành tiền	Ghi Chú
1	2	3	4	5	6	7=6x5	8
1	01/06/2016	Đông Anh, Hà Nội	20'	1	4,450,000	4,450,000	
2	01/06/2016	Đông Anh, Hà Nội	20'	1	4,450,000	4,450,000	
3	01/06/2016	Đông Anh, Hà Nội	20'	1	4,450,000	4,450,000	
4	02/06/2016	Đông Anh, Hà Nội	20'	1	4,450,000	4,450,000	
5	02/06/2016	Đông Anh, Hà Nội	20'	1	4,450,000	4,450,000	
Cộng tiền hàng:						22,250,000	VND
Thuế suất: 10%			Tiền thuế GTGT:			2,225,000	VND
Tổng cộng tiền thanh toán:						24,475,000	VND


Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn.

BÊN MUA

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BÊN BÁN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày: 02 tháng 06 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: MT/15P

Số: **0000510**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG**
 Mã số thuế : **0201247310**
 Địa chỉ : Số 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
 Số tài khoản : 132082299 Ngân hàng ACB - Chi nhánh Duyên Hải
 Điện thoại : 0313 686 725

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng
 Mã số thuế: 0101479165
 Địa chỉ: Thôn Gia Quất, phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
 Hình thức thanh toán: chuyển khoản Số tài khoản:


STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Cước vận chuyển (Hải Phòng - Hà Nội)	chuyến	05	4.450.000	22.250.000
Cộng tiền hàng:					22.250.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					2.225.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					24.475.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

BÁN HÀNG
QUA ĐIỆN THOẠI




Trần Thị Hồng Duyên
GIÁM ĐỐC

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

VD 2:

Ngày 21/12/2016 công ty thuê bên công ty TNHH Thương mại vận tải và dịch vụ Xuất nhập khẩu Ngọc Diệp vận chuyển một lô hàng cho công ty TNHH Công nghiệp và Thương mại Hà Thái với giá cước 5.350.000 (chưa VAT). Trong đó chi phí thuê Ngọc Diệp là 5.100.000 (chưa VAT) .Hà Thái đã thanh toán bằng tiền mặt cho Minh Trung.



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày: 21 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: MT/15P

Số: **0000943**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG**
 Mã số thuế: **0201247310** Phòng 101 Số 138 Lê Lai - Phường Máy Chai
Quận Ngô Quyền - Thành Phố Hải Phòng.
 Địa chỉ: Số 90 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
 Số tài khoản: 132082299 Ngân hàng ACB - Chi nhánh Duyên Hải
 Điện thoại: 0313 686 725

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Công nghiệp và thương mại Hải Thái

Mã số thuế: 0102617289

Địa chỉ: Thôn Vực xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Hình thức thanh toán: T.M/CK Số tài khoản:


STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Cước vận chuyển (Hải Phòng - Hà Nội)	chuyến	01	5.350.000	5.350.000
Cộng tiền hàng:					5.350.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					535.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.885.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

BÁN HÀNG
QUA ĐIỆN THOẠI

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)



Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hồng Duyên

GIÁM ĐỐC

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH In & Quảng cáo Hợp Thành - ĐC: 254 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng - MST: 0200584458

Công Ty TNHH Thương Mại Và Giao Nhận Minh Trung
 Số 138, Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng



Mẫu số: 01-TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 21 Tháng 12 Năm 2016

Quyển số:.....

Số: PT0195

Nợ: 1111

Có: 131

Họ và tên người nộp tiền: Công ty TNHH Công Nghiệp và Thương Mại Hà Thái

Địa chỉ: Thôn Vực, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

Lý do nộp: Cty Hà Thái thanh toán cước vận chuyển - HĐ 943

Số tiền: 5.885.000 VND

Viết bằng chữ: Năm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Thao
 Trần Thị Thao

Trang
 Nguyễn Thị Trang

Từ hai ví dụ HDGT số 510 ,943 và phiếu thu số 195 trên kế toán cập nhật vào sổ nhật kí chung biểu số 1

Biểu số 1

Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
02/06	HD 510	02/06	Cước vận chuyển cho Huy Hoàng	131	24.475.000	
				511		22.250.000
				3331		2.225.000
			
21/12	HD 943 PT 195	21/12	Cước vận chuyển cho Hà Thái	111	5.885.000	
				511		5.350.000
				3331		535.000
...
			Cộng phát sinh		47.326.726.479	47.326.726.479

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
...
HDB510	02/06	Cước vận chuyển Huy Hoàng	131		22.250.000
		...			
PT195	21/12	Cước vận chuyển Hà Thái	111		5.350.000
...
PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần trong kỳ	911	5.965.080.227	
		Cộng số phát sinh		5.965.080.227	5.965.080.227
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		546.804.500	
		Số phát sinh			
...
HDB510	02/06	Cước vận chuyển Huy Hoàng	511	22.250.000	
			3331	2.225.000	
	
		Cộng SPS		6.525.433.437	6.487.303.615
		Số dư cuối kỳ		584.934.322	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán

trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 4

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG

Địa chỉ: số 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK 131- phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH SẢN XUẤT DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>52.145.200</u>	
					
02/06	HĐ 510	02/06	Cước vận chuyển Huy Hoàng	511	22.250.000		215.300.000	
				3331	2.225.000		217.525.000	
						
			Cộng số phát sinh		545.112.000	412.382.000		
			Số dư cuối kỳ				<u>184.875.200</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu số 5

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG

Địa chỉ: số 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2016

STT	Tên khách hàng	SDĐK		SPS		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ngọc Anh	130.803.000		635.211.000	523.789.000	242.225.000	
2	Huy Hoàng	52.145.200		545.112.000	412.382.000	184.875.200	
				
	Tổng	546.804.500		6.525.433.437	6.487.303.615	584.934.322	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Nội dung

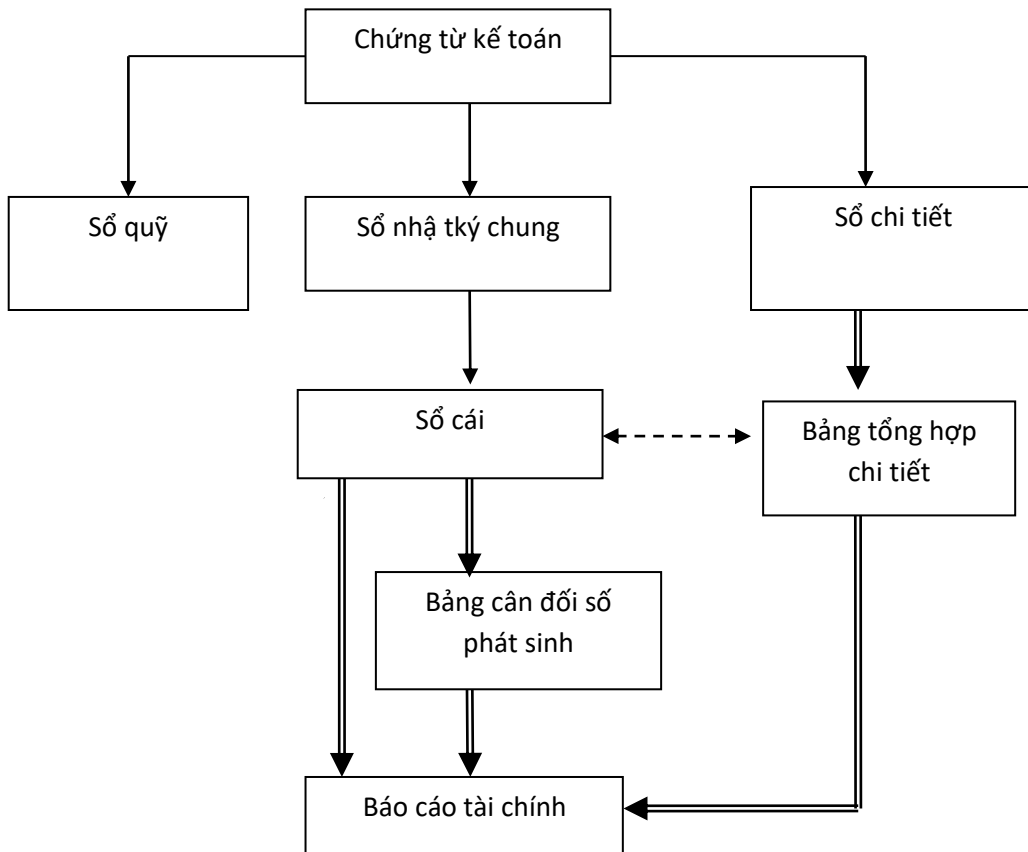
Giá vốn hàng bán của công ty là trị giá vốn của số thành phẩm xuất bán trong kỳ.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản 632

2.2.2.3. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Bảng kê
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:

2.2.2.4. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty

VD 3

Trong kì kế toán đã tập hợp được các chi phí phục vụ cho vận tải tháng 12 theo phiếu tính giá thành như sau.

Biểu số 6

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU TÍNH GIÁ THÀNH

Tên sản phẩm : Chi phí vận tải trong kỳ

Tháng 12

STT	Khoản mục chi phí	CCDDĐK	CPPSTK	CPDDCK	∑ giá thành
1	CPNVLTT	0	150.722.629	0	150.722.629
2	CPNCTT	0	101.472.418	0	101.472.418
3	CPSXC	0	172.375.739	0	172.375.739
	∑	0	424.570.786	0	424.570.786

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201247310

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Tập hợp chi phí vận tải tháng 12	632	154	424.570.786
	Cộng			424.570.786

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

VD 4:

Ngày 31/12/2016 công ty thuê bên công ty TNHH Thương mại vận tải và dịch vụ Xuất nhập khẩu Ngọc Diệp vận chuyển một lô gồm 14 cont theo giá và địa điểm như bảng kê bên dưới. Minh Trung đã thanh toán bằng chuyển khoản cho Ngọc Diệp tiền cước vận chuyển.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT VẬN CHUYỂN

Kèm hoá đơn số : 00000314 ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. BÊN VẬN CHUYỂN

Tên Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải & Dịch vụ xuất nhập khẩu Ngọc Diệp
 Mã số thuế: 0201630266
 Địa chỉ: Cụm 4, tổ 28 (nhà bà Trần Thị Thường), Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại: Fax:
 Số tài khoản: Tại:

2. BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN


Tên Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Minh Trung
 Mã số thuế: 0201247310
 Địa chỉ: Phòng 101 số 138 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng
 HT Thanh toán: Chuyển khoản Số TK:132 082 299 tại NH ACB - CN Hải Phòng


STT	Ngày tháng	Tên hàng hoá , dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7=6x5
1	01/12/16	Tây Trà, Lĩnh Nam, Hà Nội	Cont 20'	1	5,100,000	5,100,000
2	05/12/16	105 Đức Giang, Hà Nội	Cont 40'	1	6,400,000	6,400,000
3	06/12/16	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	Cont 20'	1	4,100,000	4,100,000
4	09/12/16	Giải Phóng, Hà Nội	Cont 20'	1	5,500,000	5,500,000
5	13/12/16	Gia Lâm, Hà Nội	Cont 20'	1	3,400,000	3,400,000
6	15/12/16	Vĩnh Tuy, Hà Nội	Cont 20'	1	4,900,000	4,900,000
7	20/12/16	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	Cont 20'	1	4,100,000	4,100,000
8	20/12/16	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	Cont 20'	1	4,100,000	4,100,000
9	20/12/16	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	Cont 20'	1	4,100,000	4,100,000
10	20/12/16	Cầu Bươu, Hà Nội	Cont 20'	1	4,900,000	4,900,000
11	21/12/16	Thường Tín, Hà Nội	Cont 20'	1	5,100,000	5,100,000
12	22/12/16	Thường Tín, Hà Nội	Cont 20'	1	3,000,000	3,000,000
13	22/12/16	KCN Phố Nối A, Hưng Yên	Cont 20'	1	4,100,000	4,100,000
14	22/12/16	KCN Phố Nối A, Hưng Yên	Cont 40'	1	4,500,000	4,500,000
		Tổng				63,300,000
		VAT				6,330,000



		Tổng cộng			69,630,000
--	--	-----------	--	--	------------

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng chẵn.
BÊN VẬN CHUYỂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dũng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
Trần Thị Hồng Duyên



HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua hàng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/16P
Số: **0000314**

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI & DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NGỌC DIỆP**
 Mã số thuế : **0201630266**
 Địa chỉ : **Cụm 4, tổ 28 (nhà bà Trần Thị Thương), Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
 Điện thoại :
 Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: **Công ty TNHH thương mại và giao nhận Minh Trung**
 MST: **0201247310** Hình thức thanh toán: **Ch**
 Địa chỉ: **Phòng 101 số 138 Lê Lai, phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**
 Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1.	Cước vận chuyển T2/2016 (Kèm bảng kê chi tiết)				63.300.000
Cộng tiền hàng:					63.300.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					6.330.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					69.630.000đ
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nga

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Dũng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dũng

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn

Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT31	31/12	Chi phí vận tải tháng 12	632	424.570.786	
				154		424.570.786
31/12	HĐ 647 GBN35	31/12	Cước vận chuyển	632	63.300.000	
				133	6.330.000	
				112		69.630.000
...
			Cộng phát sinh		47.326.726.479	47.326.726.479

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 8

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên tài khoản : Giá vốn
Số hiệu : 632

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kì			
		Số phát sinh			
		...			
PKT31	31/12	Chi phí vận tải tháng 12	154	424.570.786	
...
HDM647	31/12	Cước vận chuyển	112	63.300.000	
...
PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán trong kì	911		5.094.849.428
		Cộng số phát sinh		5.094.849.428	5.094.849.428
		Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Thuế, phí, lệ phí,...
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, tiếp khách...

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh


2.2.3.3. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...

2.2.3.4. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty

VD 5:

Ngày 11/10 Minh Trung thanh toán tiền nước uống tinh khiết quý 3/2016 bằng tiền mặt cho công ty TNHH Phù Đổng. Gồm 72 bình 19 lít đơn giá 27.272đ/bình (chưa VAT).



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 11 tháng 10 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/16P

Số: **0000035**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH PHÙ ĐỔNG**
 Mã số thuế: **0200783622**
 Địa chỉ: Số 3B Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Điện thoại: 031.3686261 Fax: 031.3797005
 Số tài khoản: 2111211002169 tại Ngân hàng Agribank - CN Bắc Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại và giao nhận Minh Trang

Mã số thuế: 0201247310

Địa chỉ: Số 90 Trần Khánh Dư, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, T.P. Hải Phòng

Hình thức thanh toán tiền mặt Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	<u>Nước uống tinh khiết quý 3/2016</u> <u>- Bình 19L</u>	<u>Bình</u>	<u>72</u>	<u>27.272</u>	<u>1.963.636</u>
Cộng tiền hàng:					<u>1.963.636</u>
Thuế suất GTGT: <u>10 %</u> Tiền thuế GTGT:					<u>196.364</u>
Tổng cộng tiền thanh toán					<u>2.160.000</u>
Số tiền viết bằng chữ: <u>Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn</u>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Oanh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

PHÙ ĐỔNG

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thanh Quyết

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty
 Mã số thuế: 0200638946, DT: 031.362657-3686954

VD 6 :

Ngày 29/10 Minh Trung thanh toán tiền điện thoại cho công ty viễn thông Mobifone số tiền cả thuế là 329.999đ



TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
CÔNG TY DỊCH VỤ MOBIFONE KHU VỰC 5
Địa chỉ: Số 08 Lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đồng Khê, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Tel: 18001090 - Fax: 0313 559686

HÓA ĐƠN (GTGT)
BILL (VAT)

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: **01GTKT2/005**
Seri: **GB/15P**
Số: **0436977**

MST: 0100686209-084

Tên khách hàng (Sub name): *Công ty TNHH Thương Mại và Giao Nhận Minh Khang*

MST: 0201247310----

Địa chỉ (Address): *Phố 10/8/138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng*

Số thuê bao (Sub No): *936.699246* Mã khách hàng (Customer Code):

Cước từ ngày (Charging from): *21/9/2016* đến ngày (to): *20/10/2016*

STT	Khoản (Item)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Số tiền (Amount)
	Cước dịch vụ thông tin di động (Mobile phone service charges)				
	Cộng tiền (1) (Total):				<i>299.999</i>
	Thuế suất GTGT: 10 %x(1)=Tiền thuế GTGT(2) (Value Added Tax):				<i>30.000</i>
	Tổng cộng tiền thanh toán (3)=(1)+(2) (Group total):				<i>329.999</i>
Số tiền viết bằng chữ (Sum in word): <i>Ba trăm hai mươi nghìn chín trăm chín mươi chín đồng</i>					

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày: *29* tháng *10* năm *2016*
Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi rõ họ tên)
Hoàng Dương
090.44.66.089

IN TẠI CÔNG TY CP DV VIỄN THÔNG VÀ IN BẰNG ĐIỆN
MST: 0100887474 - TEL: 0436277779

Biểu số 9

Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
11/10	HĐ 35 PC 374	11/10	Chi tiền nước uống quý 3/2016	6422	1.963.636	
				1331	196.364	
				1111		2.160.000
...
29/10	HĐ 436977 PC 402	29/10	Thanh toán cước điện thoại di động Mobifone	6422	299.999	
				1331	30.000	
				1111		329.999
		
			Cộng phát sinh		47.326.726.479	47.326.726.479

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 10

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138, Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
...
PC374	11/10	Chi tiền nước uống quý 3/2016	111	1.963.636	
...	
PC402	29/10	Thanh toán cước điện thoại di động Mobifone	111	299.999	
...
PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý	911		775.522.263
		Cộng SPS		775.522.263	775.522.263
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán

trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**2.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Giấy báo Có của ngân hàng.

2.2.4.2 Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

Quy trình hạch toán:

Căn cứ giấy báo Có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 515,112. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VD 7:

Doanh thu hoạt động tài chính tháng 1 lãi nhập vốn số tiền 93.239 đ

Ngan hang	GIAY BAO CO	
Chi nhanh ACB	Ngày 25-02-2016	Ma GDV 44048 Ma KH
Kinh gui : Cong ty TNHH Thuong mai va Giao nhan Minh Trung Ma so thue 0201347310		
Hom nay chung toi xin bao da ghi CO tai khoan cua quy khách hang voi noi dung nhu sau		
So tai khoan ghi CO	21137219	
So tien bang so	93,239.00	
So tien bang chu	Chin muoi ba nghìn hai tram ba muoi chin nghìn dong chan	
Noi dung	Lai nhập vốn	
	Giao dich vien	Kiem soat

Biểu số 11

Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
25/02	GBC 44048	25/02	Lãi nhập vốn	112 515	93.293	93.293
		
			Cộng phát sinh		47.326.726.479	47.326.726.479

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
Số 90 Trần Khánh Dư, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

ĐVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
...
GBC65	25/02	Lãi nhập vốn	112		93.239
...
PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.527.263	
		Cộng số phát sinh		1.527.263	1.527.263

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả kinh} & & \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{doanh} & = & \text{kinh doanh} & + & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận thuần từ} & & \text{Lợi nhuận gộp về} & & \text{Doanh} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động kinh} & = & \text{bán hàng và cung} & + & \text{thu hoạt} & - & \text{tài} & - & \text{quản lý} \\ \text{doanh} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{động tài} & & \text{chính} & & \text{kinh} \\ & & & & \text{chính} & & & & \text{doanh} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng} & = & \text{Doanh thu thuần về bán} & & \text{Giá vốn hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} & & \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & - & \text{bán} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \end{array}$$

2.2.5.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 911, 821. 4212...

VD 8 : Xác định kết quả kinh doanh năm 2016

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 5.965.080.227

Doanh thu tài chính : 1.527.263

Giá vốn hàng bán : 5.094.849.428

Chi phí quản lý kinh doanh : 775.522.263

Kết quả kinh doanh : (5.965.080.227+1.527.263) -

(5.094.849.428+775.522.263)

= 96.235.799

=> Trong năm 2016 doanh nghiệp kinh doanh lãi 96.235.799 đ

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 32, 33, 34, 35, 36

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911, sổ cái TK 821 ,sổ cái TK 421.

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201247310

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 32:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	5.965.080.227
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.527.263
	Cộng			5.966.607.490

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201247310

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 33:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	5.094.849.428
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	775.522.263
	Cộng			5.870.371.691

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201247310

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 34:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	19.247.160
	Cộng			19.247.160

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201247310

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	19.247.160
	Cộng			19.247.160

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
138 Lê Lai, Máy Chai, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201247310

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 36:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	76.988.639
	Cộng			76.988.639

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

ĐVT: VND

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh th hoạt động tài chính, thu nhập khác	511	5.965.080.227	
				911		5.965.080.227
				515	1.527.263	
				911		1.527.263
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.	911	5.094.849.428	
				632		5.094.849.428
				911	775.522.263	
			642		775.522.263	
31/12	PKT34	31/12	Xác định thuế TNDN	8211	19.247.160	
				3334		19.247.160
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	19.247.160	
				821		19.247.160
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	911	76.988.639	
				421		76.988.639
			Tổng cộng		47.326.726.479	47.326.726.479

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng			511		5.965.080.227
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		1.527.263
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	5.094.849.428	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD			642	775.522.263	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			821	19.247.160	
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh			421	76.988.639	
			Cộng phát sinh				5.966.607.490	5.966.607.490
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên TK: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHT KĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong năm					
31/12	PKT34	31/12	Xác định thuế TNDN			3334	19.247.160	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển thuế TNDN			911		19.247.160
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối năm					
			Cộng phát sinh				19.247.160	19.247.160
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2016

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					31.700.298
			Số phát sinh trong năm					
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển lãi			911		76.988.639
			Cộng phát sinh				25.300.000	76.988.639
			Số dư cuối năm					83.388.937

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của công ty TNHH Thương mại và giao nhận Minh Trung năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5.965.080.227	6.531.717.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		5.965.080.227	6.531.717.479
4. Giá vốn hàng bán	11		5.094.849.428	5.645.583.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		870.230.799	886.134.417
6. Doanh thu hoạt động TC	21		1.527.263	2.128.218
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		775.522.263	862.490.375
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		96.235.799	25.772.260
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		96.235.799	25.772.260
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		19.247.160	5.154.452
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		76.988.639	20.617.808

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIAO NHẬN MINH TRUNG

3.1. Nhận xét

3.1.1. Ưu điểm

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung, em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những ưu điểm sau:

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách và nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang lại ý nghĩa rất lớn.

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển một cách hợp lý.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính chuẩn mực kế toán. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán.

- Về chứng từ sổ sách kế toán: Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ các chứng từ gốc các sổ sử dụng và bảng phân bổ được phân bổ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ thống nhất cùng công ty.

- Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy

- Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Việc hạch toán doanh thu, giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào NSNN. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế giá trị gia tăng do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện.

- Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

Bên cạnh đó bộ máy kế toán của công ty chủ yếu là những đội ngũ nhân viên trẻ, trình độ chuyên môn từ trung cấp đến cao đẳng chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác kế toán nên hiệu quả công việc chưa cao, không đảm bảo được nhiệm vụ, yêu cầu cao hơn của nhà quản lý.

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán:

+ Việc ghi sổ sách kế toán tại công ty còn những điều chưa hợp lý. Nhiều sổ sách cần thiết nhưng công ty không sử dụng như sổ chi tiết bán hàng, giá vốn...

+ Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán xong ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính excel, nên nhiều nghiệp vụ phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công việc dễ dẫn đến nhầm lẫn, sai sót làm giảm hiệu quả công việc, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

- Việc áp dụng chính sách thu hồi nợ

+ Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với tổng tài sản của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng qua vốn không được hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

+ Hiện nay công ty cũng không có chính sách chiết khấu thanh toán. Cho khách hàng hưởng các chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây ra khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

- Trích lập nợ phải thu khó đòi: có nhiều khách hàng đã đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được nợ nhưng doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung

3.2.1. Giải pháp 1: Mở sổ chi tiết theo doanh thu và giá vốn cho từng loại hình kinh doanh vận tải

Hiện nay công ty đang kinh doanh trên cả hai hình thức cho thuê vận tải và thuê bên thứ ba vận tải cho mình để ăn phần chênh lệch. Do vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng loại hình kinh doanh vận tải để giúp công ty có thể theo dõi cụ thể và rõ ràng hơn.

Dưới đây là các mẫu sổ chi tiết theo doanh thu và giá vốn cho từng hình thức kinh doanh vận tải và thuê vận tải.

Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận
 Minh Trung
 Số 138 Lê lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải
 Phòng

Mẫu số S17 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Loại doanh thu: Vận tải

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SĐĐK			
			...			
02/06	HĐ 510	02/06	Cước vận chuyển Huy Hoàng	131		22.250.000
	...					
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu trong kì	911	4.932.740.000	
			∑ doanh thu PSTK		4.932.740.000	4.932.740.000
			SĐCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH Thương Mại và Giao nhận
 Minh Trung
 Số 138 Lê lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải
 Phòng

Mẫu số S17 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Loại doanh thu: Thuê vận tải

Năm 2016

ĐVT: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDĐK			
			...			
21/12	HĐ 943	21/12	Thuê Ngọc Diệp vận chuyển cho Hà Thái	111		5.350.000
			
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu trong kì	911	1.032.340.227	
			∑ doanh thu PSTK		1.032.340.227	1.032.340.227
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận
 Minh Trung
 Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải
 Phòng

Mẫu số S17 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Mặt hàng: Thuê Vận Tải

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			
			...			
31/12	HĐ314	31/12	Thuê Ngọc Diệp vận chuyển cho Hà Thái	112	63.300.000	
...				
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn thuê vận tải			881.408.951
			∑ Giá vốn phát sinh trong kì		881.408.951	881.408.951
			SĐCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.3.2. Giải pháp2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán mở chi tiết cho từng loại mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho dịch vụ X} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các dịch vụ}} \times \text{Doanh thu thuần của dịch vụ X}$$

Ví dụ: Phân bổ chi phí cho dịch vụ vận tải

- Doanh thu thuần vận tải : 4.932.740.000
- Giá vốn của vận tải: 4.213.440.477
- Chi phí quản lý kinh doanh của tất cả vận tải và thuê vận tải: 775.522.263

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho vận tải} = \frac{775.522.263}{5.965.080.227} \times 4.932.740.000 = 641.307.332$$

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung
Số 138 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỪNG DỊCH VỤ
Năm 2016

STT	Tên dịch vụ	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng dịch vụ	Kết quả kinh doanh		Ghi chú
						Số tiền	Tỷ trọng	
1	Vận tải	4.932.740.000	4.213.440.477	719.299.523	641.307.332	77.992.191	82,35%	
2	Thuê vận tải	1.032.340.227	881.408.951	150.931.276	134.214.931	16.716.345	17,65%	
	Tổng cộng	5.965.080.227	5.094.849.428	870.230.799	775.522.263	94.708.536	100%	

3.3.3. Giải pháp 3: Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc tồn tại và phát triển là vấn đề sống còn của doanh nghiệp. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cạnh tranh với nhau nhằm thu hút khách hàng. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng.

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán nhiều hơn nữa, bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

+ Phương pháp xác định: Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng khối ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả trước nợ và tỉ lệ lãi suất ngân hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán có thể áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

+ Phương pháp hạch toán:

○ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

○ Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày 1%/tháng

VD : Ngày 20/05 công ty vận chuyển cho Huy Hoàng 5 cont 40' với cước vận chuyển là 22.440.000(Cả VAT). Hạn thanh toán là 20/06 . Đến ngày 10/06 Huy Hoàng đã thanh toán hết bằng tiền mặt . Huy Hoàng đã thanh toán sớm trước 10 ngày, do vậy khách hàng được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,6%

$$\text{➤ Số tiền chiết khấu} = \frac{0.6\% * 10}{31} * 22.440.000 = 43.432 \text{ đồng.}$$

Định khoản: Nợ TK 635: 43.432

Có TK 111:43.432

Kết chuyển: Nợ TK 911: 43.432

Có TK 635: 43.432

Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận
 Minh Trung
 Số 138 Lê lai, Máy Chai,Ngô Quyền, Hải
 Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

635 – Chi phí tài chính

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
10/06	PT120	10/06	Chiết khấu thanh toán	111	43.432	
....
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		43.432
			Cộng số phát sinh		3.366.000	3.366.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau 2 tháng thực tập tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung, giúp em nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty. Và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo- Thạc sĩ Phạm Văn Tường, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các anh (chị) trong phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Minh Trung đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.